

Số: 192/2024/HS-ST

Ngày: 07-05-2024.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Bà Võ Thị Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 169/2024/HSST ngày 04/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-HS ngày 11/4/2024, đối với bị cáo:

Lê Ngọc D; sinh năm: 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ph, sinh năm 1966 và bà Lê Thị L, sinh năm 1969; chồng là Nguyễn Trần Tấn L1, sinh năm 1988 và có 02 con chung, lớn sinh năm 2012 và nhỏ sinh năm 2022;

Tiền án: 01 lần. Ngày 16/01/2023 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 06/6/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù treo, 20 tháng thử thách về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 26/4/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:*

1. Ông Lê Tiến D, sinh năm 1966. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Thường trú: Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1993. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc D là người có tiền án chưa xóa án tích và được hoãn thi hành án do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Tuy nhiên không có nghề nghiệp ổn định nên D tiếp tục nảy sinh ý định tìm tài sản người khác để lấy trộm. Vào ngày 04/6/2023 D cùng đối tượng tên “Thành” (không rõ nhân thân) đã đi từ nhà của mình đến rạp chiếu phim số 4 BHD tại lầu 5 trung tâm thương mại Vincom Mega Mall Thảo Điền có địa chỉ tại số 161 đường Xa Lộ Hà Nội, khu phố 1, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Khoảng 18 giờ 35 phút cùng ngày, ông Lê Tiến D (sinh năm 1966, trú tại số 43/45 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3) cùng bạn gái là chị Nguyễn Thị Cẩm Nhung (sinh năm 1995, trú tại ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai) đến rạp chiếu phim nói trên để xem phim. Khi ông D đang mua vé ở quầy thì D và Thành đã quan sát thấy ông D có túi xách mang theo, nghĩ bên trong có tài sản nên cũng mua vé xem phim để đi theo ông D. Ông D mua vé ngồi ghế số F8 còn chị Nhung ngồi ghế F9, khi ngồi xuống ghế ông D đưa túi xách của mình bên trong có tài sản cho chị Nhung cất giữ ở ghế F10. Khoảng 05 phút sau, Thành vào ngồi hàng ghế F12, khoảng 30 phút sau đến lượt Lê Ngọc D vào ngồi ghế F13 (bên cạnh Thành). Vào ngồi được khoảng 05 phút thì D đi ra ngoài, ông D nghi ngờ bị D lấy trộm tài sản nên yêu cầu chị Nhung kiểm tra túi xách để ở ghế F10 thì phát hiện đã bị mất 01 cái bóp bên trong túi xách của anh Dũng. Ông D và chị Nhung đuổi theo D ra bên ngoài cửa rạp chiếu phim bắt giữ được D. Đồng thời báo cho bảo vệ Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall Thảo Điền tiến hành kiểm tra trên người D thu giữ được bóp da của ông D bị mất, bên trong có số tiền 8.813.000 đồng Việt Nam; 28 USD (gồm 14 tờ mệnh giá 2USD); 01 (một) chỉ vàng SJC; 01 (một) dây đeo cổ có mặt bằng nanh thú bọc vàng 18K.

Qua làm việc D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Ngoài ra D còn khai nhận bằng thủ đoạn tương tự như trên thì vào ngày 29/5/2023 tại Trung tâm thương mại Giga Mall, địa chỉ số 240 – 242 đường Phạm Văn Đồng, khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, D cùng với Thành mua vé đi vào rạp chiếu phim. Khi vào bên trong rạp, D và anh Thành ngồi ở dãy ghế khoảng giữa rạp, lúc này Thành nhìn xung quanh để tìm người nào trong rạp có tài sản sơ hở để lấy trộm, Thành nói D chuyển xuống dãy ghế phía sau, cách dãy

ghế đang ngồi khoảng 04 – 05 dãy ghế. Tại hàng ghế này, Thành và D lấy trộm của anh Nguyễn Văn L2 01 (một) Macbook Pro M2 13 inch, màu xám. Tài sản phạm tội có được, Thành bán được bao nhiêu D không rõ nhưng có chia lại cho D số tiền 1.000.000 đồng. (bút lục 74, 118, 119, 134, 135)

Kết luận giám định số 5386/KL-KTHS ngày 25/8/2023 của Phân viện khoa học Hình sự - Bộ Công an tại Tp. Hồ Chí Minh kết luận: 01 miếng kim loại màu vàng, mặt trước có hình ông thần tài của mẫu M1, khối lượng: 3,7514 gam, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au), hàm lượng vàng: 99,99%; Phần kim loại màu vàng của mẫu M2 có khối lượng: 2,5768 gam, gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au), hàm lượng: 69,60%. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 358 – KV1/KLĐG – HĐĐGTS ngày 05/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tài sản cần định giá (vàng) có giá trị 8.498.000 đồng.

Công văn số 3425/NHNoTPTĐ-KTNQ ngày 26/9/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Thủ Đức xác định: Giá USD loại dưới 50 USD có giá 23.950 đồng/USD. (bút lục 63)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 336 – KV3/KLĐG-HĐĐGTS ngày 01/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) Macbook Pro M2 13 inch, màu xám có giá trị 28.600.000 đồng. (bút lục 62)

* Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản của ông D sau khi phục vụ cho việc định giá. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme GT Neo 5, 01 nón kết màu trắng có chữ Adidas, 01 áo khoác có chữ INSANE, 01 áo khoác bằng vải màu đỏ. Tất cả các đồ vật trên có liên quan đến vụ án nên chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức bảo quản theo quy định.

* Trách nhiệm dân sự: Ông Lê Tiến D sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu gì khác. Ông Nguyễn Văn L2 yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc Macbook Pro theo kết quả định giá của Hội đồng định giá với số tiền 28.600.000 đồng, D chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số 183/CT-VKS-TPTĐ ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội thuộc trường hợp hai lần trở lên và tái phạm nên áp dụng điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận định giá, đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng và không khiếu nại hay có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo D về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều luật áp dụng như nội D bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn L2 số tiền 28.600.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Tiến D và ông Nguyễn Văn L2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của ông D, ông L2 không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, ông L2.

[2] Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù đang được hoãn thi hành án do nuôi con nhỏ nhưng vì động cơ vụ lợi bất chính nên vào ngày 29/5/2023 tại số 240 – 242 đường Phạm Văn Đồng, khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Lê Ngọc D có hành vi lén lút lấy trộm 01 Macbook Pro M12 của ông Nguyễn Văn L2 có giá trị 28.600.000 đồng và ngày 04/6/2023 tại số 161 đường Xa Lộ Hà Nội, khu phố 1, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Lê Ngọc D lấy trộm của ông Lê Tiến D số tiền 8.813.000 đồng; 28 USD; 01 chỉ vàng SJC và 01 dây đeo cổ có mặt bằng

nanh thú bọc vàng, tổng giá trị là 17.637.000 đồng. Tổng giá trị 02 lần trộm cắp tài sản là 46.237.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt: Không.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã 2 lần thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, giá trị tài sản chiếm đoạt được của từng lần vi phạm đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, do đó bị cáo thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo đã bị kết án bằng Bản án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó bị cáo thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có tiền án, nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong toàn xã hội. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 8.813.000 đồng, 28 USD, 01 chỉ vàng SJC, 01 dây đeo cổ có mặt bằng nanh thú bọc vàng 18K, 01 bóp da màu nâu có kích thước 20 x 12 cm. Ngày 16/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho ông Lê Tiên D là đúng quy định.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realme GT Neo, số IMEI 1: 861105058316352, bị cáo dùng điện thoại này vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 áo khoác nữ bằng vải đỏ, 01 nón kết màu trắng (có chữ Adidas), 01 áo khoác vải phía sau có chữ INSANE. Xét tài sản này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 đĩa và 01 USB màu xanh chứa đoạn video ghi nhận hình ảnh, âm thanh bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp. Đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lê Tiến D đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn L2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 28.600.000 đồng, tương đương với kết quả định giá của chiếc Macbook của ông bị mất, bị cáo đồng ý với yêu cầu nêu trên. Xét đây là thỏa thuận không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.430.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[11] Về các vấn đề khác:

- Đối với đối tượng tên Thành (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tham gia thực hiện trộm cắp tài sản cùng với Lê Ngọc D. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra Quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Bản án số 14/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo Lê Ngọc D hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo chưa chấp hành án (đang hoãn chấp hành án). Do đó, đồng thời với việc tuyên mức hình phạt đối với bị cáo D trong vụ án này, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của bản án nêu trên theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 56, Điều 38; Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; khoản 1 Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Điều 357; Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự ;

- Luật Thi hành án hình sự ;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Lê Ngọc D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc D** 02 (hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 14/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Ngọc D phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn L2 số tiền 28.600.000 (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme GT Neo, số IMEI 1: 861105058316352.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác nữ bằng vải đỏ, 01 nón kết màu trắng (có chữ Adidas), 01 áo khoác vải phía sau có chữ INSANE.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 140/QĐ-VKS-TPTĐ ngày 03/4/2024 và Phiếu nhập kho số NK24/222C ngày 24/4/2024 và Biên bản giao nhận tang tài vật số 222C ngày 24/4/2024).

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa CD và 01 USB màu xanh chứa đoạn video ghi nhận hình ảnh, âm thanh bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp.

5. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.430.000 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương